

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2022/HNGĐ-ST

Ngày 08-7-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Huy Mân;

Ông Nguyễn Văn Tư;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 248/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Sơn Đ, sinh năm 1992. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Thị T, sinh năm 1992. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 04/4/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Sơn Đ trình bày:

Do quen biết anh và chị Thị T tiến tới hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 7/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2020 đến nay.

Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Thị T.

Về con chung: Anh và chị Thị T có 02 con chung tên Trần Ngọc Nhã H, sinh ngày 22/6/2017 và Trần Hải Đ, sinh ngày 20/8/2019, hiện đang sống chung với anh. Khi ly hôn con chung anh yêu cầu nuôi, không yêu cầu chị Thị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Trần Sơn Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, bị đơn chị Thị T cư trú: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, tranh chấp ly hôn giữa anh Trần Sơn Đ và chị Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Trần Sơn Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Trần Sơn Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tòa án đã niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn chị Thị T nhưng chị Thị T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Thị T.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, anh Trần Sơn Đ và chị Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/4/2018 tại Quyết số 43, đây là hôn nhân hợp pháp. Anh Trần Sơn Đ yêu cầu Tòa án cho ly hôn vì cho rằng trong quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2020 đến nay. Khi anh Trần Sơn Đ có đơn xin ly hôn, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho chị Thị T nhưng chị Thị T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh Trần Sơn Đ, tại phiên tòa chị Thị T vắng mặt không có lý do,

mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Điều đó đã cho thấy chị Thị T đã không còn quan tâm đến hôn nhân giữa chị và anh Trần Sơn Đ. Xét thấy, tình cảm và đời sống chung của vợ chồng của anh Trần Sơn Đ và chị Thị T đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận cho anh Trần Sơn Đ được ly hôn với chị Thị T là phù hợp.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống anh Trần Sơn Đ và chị Thị T có 02 con chung tên Trần Ngọc Nhã H, sinh ngày 22/6/2017 và Trần Hải Đ, sinh ngày 20/8/2019, hiện đang sống chung với anh Trần Sơn Đ. Khi ly hôn con chung anh Trần Sơn Đ yêu cầu được nuôi, không yêu cầu chị Thị T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện tại 02 cháu Trần Ngọc Nhã H và Trần Hải Đ đang sống cùng anh Trần Sơn Đ, cuộc sống ổn định, sức khỏe tốt, hiện tại anh Trần Sơn Đ có công việc thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc tốt con chung. Đối với chị Thị T từ khi vụ án thụ lý giải quyết cho đến khi xét xử cũng không có nguyện vọng được nuôi con chung. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, học hành, sự phát triển về tinh thần, cũng như các quyền lợi khác của con chung nên tiếp tục giao cháu Trần Ngọc Nhã H và Trần Hải Đ cho anh Trần Sơn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Trần Sơn Đ không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Sơn Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Anh Trần Sơn Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Trần Sơn Đ được ly hôn với chị Thị T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Ngọc Nhã H, sinh ngày 22/6/2017 và Trần Hải Đ, sinh ngày 20/8/2019 cho anh Trần Sơn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh Trần Sơn Đ không yêu cầu.

Chị Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Sơn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016099 ngày 22/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Thúy